

Mẫu số 05.A. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường của chủ cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ
(Áp dụng đối với cơ sở thuộc đối tượng phải có giấy phép môi trường).

**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ
VÀ KHOÁNG SẢN HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 03/BC-CKKS

P. Hà Giang 1, ngày 13 tháng 01 năm 2026

BÁO CÁO
Công tác bảo vệ môi trường năm 2025

THÔNG TIN CHUNG

- Tên cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang
- Địa chỉ, số điện thoại: Số 390, đường Nguyễn Trãi, tổ 09 phường Hà Giang 1, tỉnh Tuyên Quang. Điện thoại: 0219.3866.708 - Fax: 0219.3867.068;
- Người đại diện theo Pháp luật: Đỗ Khắc Hùng Năm sinh: 1974
- Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Ngành nghề chính là: Khai khoáng (ngoại trừ dầu mỏ và khí đốt), Khai thác quặng kim loại, chế biến khoáng sản.
- Giấy đăng ký kinh doanh: Số 5100101762, do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Giang cấp lần đầu ngày 28/02/2006, thay đổi lần thứ 9 ngày 24/06/2025.
- Giấy phép môi trường số 245/GPMT-BTNMT ngày 04/07/2024 do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp.
- Khai thác theo công suất 10.500 tấn quặng/năm, chế biến 1000 tấn kim loại Sb/năm. Tần suất hoạt động liên tục. (Theo giấy phép khai thác khoáng sản số 3940 ngày 27/12/1996).
- Khối lượng sản phẩm của năm 2024 là 544 tấn kim loại Sb và năm 2025 là 535,4 tấn kim loại Sb.
- Nguyên liệu, nhiên liệu, điện, nước tiêu thụ của năm báo cáo và năm gần nhất:

TT	Diễn giải	ĐVT	Khối lượng	
			Năm 2024	Năm 2025
1	Điện	KW	616.179	709.985
2	Than các loại	Tấn	2.545	2.855,345
3	Dầu Diezen	Lít	110.535	113.484

Phần 1. Kết quả hoạt động các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường

1. Về công trình bảo vệ môi trường (BVMT) đối với nước thải

1.1. Xử lý nước thải

1.1.1. Nước thải sinh hoạt:

- Dòng nước thải số 01 (tương ứng với nguồn số 01): Nước thải từ bồn cầu, bồn tiểu nhà vệ sinh khu văn phòng và xưởng luyện được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 3 ngăn, sau đó hợp chung với nước thải từ nhà tắm, vòi rửa, nhà bếp (qua bể tách mỡ) đưa về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 15 m³ /ngày đêm để xử lý trước khi xả thải ra môi trường.

- Dòng nước thải số 02 (tương ứng với nguồn số 02): Nước thải từ bồn cầu, bồn tiểu nhà vệ sinh khu vực điều hành mỏ được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 3 ngăn, sau đó hợp chung với nước thải từ nhà tắm, vòi rửa đưa qua bể lọc sinh học trước khi xả thải ra môi trường.

1.1.2. Nguồn tiếp nhận nước thải: Suối Nậm Soọc (hay còn gọi là suối Mậu Duệ) thuộc lưu vực sông Nhiệm.

1.1.3. Vị trí xả nước thải:

- Vị trí: Xã Mậu Duệ, huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang.

- Tọa độ vị trí xả nước thải:

+ Dòng số 01: X1 = 2551980; Y1 = 473585.

+ Dòng số 02: X2 = 2552897 ; Y2 = 474257.

(Theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105°30' múi chiều 3⁰).

Vị trí điểm xả nước thải có biển báo, ký hiệu rõ ràng, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát xả thải.

1.1.4. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất:

- Dòng số 01: 15 m³ /ngày đêm.

- Dòng số 02: 0,5 m³ /ngày đêm.

- Phương thức xả nước thải: Tự chảy, xả mặt, xả ven bờ.

- Chế độ xả nước thải: Liên tục (24 giờ).

- Chất lượng nước thải trước thải xả vào nguồn tiếp nhận phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (cột B, K = 0,9)

1.2. Kết quả quan trắc nước thải

1.2.1. Quan trắc định kỳ nước thải

Thời gian quan trắc: Quan trắc vào tháng 02, 05, 08, 11 năm 2025.

Tổng số lượng mẫu thực hiện Quan trắc: 16 mẫu thực hiện quan trắc

Đánh giá kết quả quan trắc theo giấy phép môi trường được cấp: Các kết quả quan trắc không có mẫu vượt quy chuẩn.

Quan trắc định kỳ nước thải sinh hoạt

- Tần suất quan trắc: Thực hiện quan trắc 02 lần/năm. (06 tháng 1 lần).
- Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng QCVN: Nước thải nằm trong cột B của QCVN-40-2011/BTNMT quy chuẩn Quốc gia về nước thải công nghiệp
- Đơn vị thực hiện quan trắc: Viện Khoa học môi trường và sức khỏe cộng đồng. Số Vimcerts: 099 và Vilas 766
- Vị trí quan trắc, số lượng mẫu quan trắc vượt quy chuẩn: Không

Phần quan trắc này không có yêu cầu trong GPMT được cấp. Công ty tự tổ chức thực hiện để giám sát, quản lý được tốt hơn.

Quan trắc định kỳ nước thải Sản xuất:

- Dòng nước thải số 03 (tương ứng với nguồn số 03): Nước tháo khô mỏ từ khu vực khai trường được thu gom, đưa qua hệ thống hồ lắng 3 ngăn để lắng cặn trước khi xả thải ra nguồn tiếp nhận.
- Dòng nước thải số 04 (tương ứng với nguồn số 04): Nước mưa chảy tràn qua bãi đất đá thải số 1 mở rộng được thu gom về hồ lắng chân bãi thải để lắng cặn trước khi xả thải ra nguồn tiếp nhận.
- Dòng nước thải số 05 (tương ứng với nguồn số 07): Nước mưa chảy tràn qua bãi xỉ xưởng luyện được thu gom, đưa qua hồ lắng hai ngăn trước khi xả thải ra nguồn tiếp nhận.

Nguồn tiếp nhận nước thải: Suối Nậm Soọc thuộc lưu vực sông Nhiêm.

Vị trí xả nước thải:

- Vị trí: Xã Mậu Duệ, tỉnh Tuyên Quang

- Toạ độ vị trí xả thải:

+ Dòng số 03: $X3 = 2552735$; $Y3 = 473973$.

+ Dòng số 04: $X4 = 2552939$; $Y4 = 474485$.

+ Dòng số 05: $X5 = 2551984$; $Y5 = 473609$.

(Theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105030' múi chiều 30).

- Tần suất quan trắc: Thực hiện quan trắc 04 lần/năm. (03 tháng 1 lần).
- Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng QCVN: Nước thải nằm trong cột B của QCVN-40-2011/BTNMT quy chuẩn Quốc gia về nước thải công nghiệp
- Đơn vị thực hiện quan trắc: Viện Khoa học môi trường và sức khỏe cộng đồng. Số Vimcerts: 099 và Vilas 766
- Vị trí quan trắc, số lượng mẫu quan trắc vượt quy chuẩn: Không

Quan trắc định kỳ nước thải công nghiệp:

Do Công ty không sử dụng nước cho công nghiệp nên không thực hiện quan trắc định kỳ nước thải công nghiệp.

1.2.2. Quan trắc nước thải liên tục, tự động

Do Công ty không sử dụng nước cho Công nghiệp, lượng nước thải xả vào nguồn nước chủ yếu là nước sinh hoạt với lưu lượng nước xả thải trung bình là: $15,5\text{m}^3/\text{ngày đêm}$ nên không thực hiện hệ thống quan trắc nước thải liên tục, tự động.

2. Về công trình bảo vệ môi trường đối với khí thải

2.1. Xử lý khí thải

Công trình xử lý khí thải của đơn vị bao gồm:

- Hệ thống buồng thu bụi túi vải;
- Hệ thống đường ống dẫn khí;
- Trạm xử lý khí thải với công suất $48.000\text{m}^3/\text{h}$.

Lưu lượng khí thải phát sinh theo giờ là khoảng $39.000\text{m}^3/\text{h}$. Thời gian phát sinh khí thải trong năm là: 8640 giờ.

Tổng lưu lượng phát sinh theo năm báo cáo: $340.946.304\text{ m}^3$. (Nguồn phát sinh khí thải chủ yếu là nguồn số 01 và số 02. Nguồn số 03 từ máy phát điện dự phòng là không đáng kể.

2.1.1. Nguồn phát sinh khí thải:

- Nguồn số 01: Khí thải phát sinh từ các công đoạn thiêu kết;
- Nguồn số 02: Khí thải phát sinh từ các công đoạn luyện kim loại;
- Nguồn số 03: Máy phát điện dự phòng.

2.1.2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

Vị trí xả thải: Thôn Cốc Cai, xã Mậu Duệ, huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang.

- Dòng số 01 (tương ứng với nguồn số 01 và số 02): Ống khói sau hệ thống xử lý khí thải của xưởng luyện. Tọa độ vị trí xả thải: $X1 = 2552060$; $Y1 = 473349$.

- Dòng số 02 (tương ứng với nguồn số 03): Ống thải của máy phát điện dự phòng. Tọa độ vị trí xả thải: $X2 = 2552168$; $Y2 = 473606$. (Theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $105030'$ múi chiều 30).

2.1.3. Lưu lượng xả thải lớn nhất:

- Dòng số 01: $48.000\text{ m}^3/\text{giờ}$.
- Dòng số 02: Không xác định.

2.1.4. Phương thức xả khí thải:

- Nguồn số 01 và số 02: Liên tục theo ca sản xuất.
- Nguồn số 03: Xả gián đoạn (khi sử dụng máy phát điện dự phòng).

2.1.5. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không phải phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (cột B; $K_v = 1,4$; $K_p = 0,9$),

2.2. Kết quả quan trắc khí thải

2.2.1 Kết quả quan trắc định kỳ:

- Tổng số mẫu thực hiện quan trắc trong năm: 12 mẫu.
- Thời gian quan trắc: Thời gian quan trắc vào tháng 02, 05, 08 và tháng 11 trong năm 2025.
- Tần suất quan trắc: 04 lần/năm (03 mẫu/lần).
- Vị trí các điểm quan trắc:

Tại ống khói của Nhà máy luyện Antimon Mậu Duệ. Vị trí lấy mẫu đảm bảo đúng theo quy định hiện hành. Tọa độ X 2552049.5; Y 473480.

- Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng QCVN: Khí thải từ xưởng thiêu và xưởng luyện phải được xử lý đạt cột B quy chuẩn môi trường Việt Nam: QCVN 19: 2009/BTNMT

- Đơn vị thực hiện quan trắc: Viện Khoa học môi trường và sức khỏe cộng đồng. Số Vimecerts: 099 và Vilas 766

- Vị trí quan trắc, số lượng mẫu quan trắc vượt quy chuẩn: Không.

2.2.2. Quan trắc khí thải tự động, liên tục

Do hiện nay, tổng lưu lượng khí thải của Công ty tối đa là ở mức khoảng 48.000m³ khí thải/giờ nên theo Quy định Công ty chưa phải thực hiện việc quan trắc khí thải tự động, liên tục.

3. Về quản lý chất thải rắn thông thường

Thống kê chất thải phát sinh:

Thống kê CTRSH:

TT	CTRSH	Khối lượng năm 2025 (kg, m3)	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTRSH	Khối lượng năm gần nhất 2024 (kg, m3)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Rác thải sinh hoạt	600	Đổ chung vào bãi rác của phố Mậu Duệ	600
2	Nước thải sinh hoạt	380m ³ (Số liệu lấy từ đồng hồ đo nước xả thải)	Thải ra ngoài môi trường theo điểm xả thải đã đăng ký	Năm 2024 chưa thực hiện đo xác minh

Thống kê CTRCNTT (bao gồm cả phát sinh thường xuyên và đột xuất):

TT	Nhóm CTRCNTT	Khối lượng năm 2025 (kg)	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTRCNTT	Khối lượng năm gần nhất 2024 (kg)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Sử dụng trực tiếp làm nguyên liệu, nhiên liệu cho quá trình sản xuất (tại cơ sở)	4.932.779	Thực hiện lưu tại bãi chứa của Công ty	4.236.507
2	Tái sử dụng, tái chế để làm nguyên liệu, nhiên liệu cho ngành sản xuất khác (chuyển giao cho tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTRCNTT)	0	0	0
3	Chất thải phải xử lý	0	0	0

Đối với cơ sở sản xuất có sử dụng CTRCNTT để tái sử dụng, tái chế, làm nguyên liệu sản xuất:

TT	Tổ chức, cá nhân chuyển giao CTRCNTT	Số lượng (kg)	Chủng loại chất thải, phế liệu	Khối lượng năm gần nhất (kg)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Chất thải rắn công nghiệp thông thường được Thu gom ở bãi chứa của Công ty	4.932.779	Xi thiêu quặng Antimon	4.236.507
2		139.422	Xi bột	101.176
		43.139	Xi sô đa	35.214
		27.264	Xi Natri	2.345

4. về quản lý chất thải nguy hại:

Thống kê CTNH (bao gồm cả phát sinh thường xuyên và đột xuất):

Tên chất thải	Mã CTNH	Số lượng năm 2025 (kg)	Phương pháp xử lý ⁽ⁱ⁾	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTNH	Khối lượng năm gần nhất 2024 (kg)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Dầu thải	150107	1.531	TC/TĐ	Công ty Cổ phần môi trường công nghệ cao Hòa Bình	408
Bao bì đựng thuốc nổ	180101	12,1	TĐ/CL		38
Giẻ lau máy móc, vật liệu lọc dầu	180201	92,5	TĐ/CL		78

Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính	160106	143	Nghiên/CL		89
Tổng số lượng		1.778,6			613

5. về quản lý chất thải y tế (chỉ áp dụng đối với các cơ sở y tế): Không

6. về phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường:

6.1. Việc xây dựng kế hoạch phòng ngừa, ứng phó và khắc phục sự cố môi trường:

Để đảm bảo việc triển khai các dự án theo hướng phát triển bền vững, Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang trong đó có đại diện lãnh đạo trong Ban giám đốc Công ty chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện chương trình quản lý môi trường, an toàn lao động và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các vấn đề liên quan đến công tác bảo vệ môi trường, an toàn lao động.

Công ty đã xây dựng và ban hành kế hoạch phòng ngừa, ứng phó và khắc phục sự cố môi trường theo hàng năm.

Các phòng ban chức năng tham gia quản lý môi trường, an toàn lao động gồm có Phân xưởng khai thác, Phân xưởng Luyện, phòng Kế hoạch Kỹ thuật, đội vệ sinh, an toàn lao động của Công ty, Phòng Tổ chức Hành chính, phòng Tài chính Kế toán.

Các Phòng ban chức năng, phân xưởng quản lý, vận hành và kiểm tra hệ thống thu gom nước thải, khí thải và xử lý đảm bảo đạt tiêu chuẩn vệ sinh môi trường đối với công trình đổ thải theo đúng Quy định của Luật môi trường và các Quy định khác có liên quan.

6.2. Việc thực hiện công tác phòng ngừa, ứng phó và khắc phục sự cố môi trường:

- Các giải pháp phòng ngừa sự cố môi trường tại cơ sở.

Trong quá trình vận hành của từng Dự án, dựa trên đặc điểm của các nguồn gây ô nhiễm và phù hợp với từng giai đoạn của dự án; lựa chọn các giải pháp công nghệ phù hợp và hiệu quả cao để quản lý và xử lý các vấn đề ô nhiễm, và rủi ro môi trường phát sinh trong quá trình dự án hoạt động của dự án. Các biện pháp cụ thể như sau:

+ Thông báo cho các tổ chức và cá nhân liên quan (Cơ quan xây dựng, người lao động trên khu vực bãi thải) về Quy định và hướng dẫn cần thiết để triển khai công tác bảo vệ môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng.

+ Hướng dẫn thực hiện và kiểm tra việc thực hiện các giải pháp và các điểm cam kết đã nêu và được phê duyệt trong báo cáo.

+ Thường xuyên theo dõi giám sát những tác động trong quá trình xây dựng và hoạt động của bãi thải, các biến động, báo cáo với lãnh đạo để đưa ra các giải pháp ngăn ngừa, xử lý và báo cáo các cơ quan chức năng về môi trường cấp huyện và cấp tỉnh

+ Thuê đơn vị có chức năng thực hiện công tác quan trắc, đo đạc trong chương trình giám sát môi trường

+ Các kết quả phân tích và đo đạc về chất lượng môi trường sẽ được lưu giữ để đối sách và kiểm soát, đồng thời được tập hợp để gửi định kỳ lên cơ quan Nhà nước có chức năng quản lý môi trường theo Quy định.

- Việc ứng phó và khắc phục sự cố môi trường xảy ra tại cơ sở.

Khi có sự cố môi trường xảy ra, ngay lập tức tại đơn vị phụ trách sẽ Báo cáo về Công ty. Công ty sẽ liên hệ và phối hợp chặt chẽ với Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tuyên Quang, các Sở, Ban, ngành liên quan, UBND xã Mậu Duệ để giải quyết các sự cố môi trường, tư vấn tập huấn, giám sát các vấn đề có liên quan về môi trường do vận hành Khai thác, luyện Antimon Kim loại xuất khẩu.

7. Về quản lý các chất ô nhiễm khó phân hủy và nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, sản phẩm, hàng hóa, thiết bị có chứa chất ô nhiễm khó phân hủy: Trong quá trình hoạt động sản xuất, chế biến, do không phát sinh các chất ô nhiễm khó phân hủy và nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, sản phẩm, hàng hóa, thiết bị có chứa chất ô nhiễm khó phân hủy nên Công ty không tổ chức quản lý. Khi có phát sinh, Công ty sẽ chuyển giao cho đơn vị có chức năng bảo quản, xử lý.

8. Kết quả khắc phục các yêu cầu của cơ quan thanh tra, kiểm tra và cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu có):

Khi có các yêu cầu của cơ quan thanh tra, kiểm tra của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, Công ty đã thực hiện khắc phục theo đúng yêu cầu và có Báo cáo kết quả khắc phục tồn tại, vi phạm trong hoạt động Khoáng sản theo đúng thời hạn quy định.

Phần 2 và Phần 3: Do Công ty không thực hiện nên không Báo cáo.

Phần 4. Tình hình triển khai công tác cải tạo và phục hồi môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản:

Theo Giấy phép môi trường số 245/GP-BTNMT ngày 04/7/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp, Công ty đã hoàn thành toàn bộ các hạng mục, công trình sản xuất, công trình bảo vệ môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường theo Quyết định số 212/QĐ-BKHCNMT ngày 22/02/1999 của Bộ trưởng Bộ Khoa học Công nghệ và Môi trường về việc phê chuẩn báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “Khai thác và luyện antimon xuất khẩu Hà Giang” và Quyết định số 684/QĐ-UBND ngày 10/4/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường và Đề án cải tạo và phục hồi môi trường “Dự án đầu tư xây dựng công trình mở rộng và nâng cấp bãi thải số 1 mỏ antimon Mậu Duệ - Yên Minh - Hà Giang”. Dự án không thuộc diện cải tạo, phục hồi môi trường và xác nhận từng hạng mục thành phần; việc cải tạo, phục hồi môi trường chỉ thực hiện sau khi kết thúc dự án.

- Số tiền ký quỹ trong kỳ báo cáo và tổng số tiền đã ký quỹ đến thời điểm báo cáo.

+ Theo Quyết định số 212/QĐ-BKHCNMT ngày 22/02/1999 của Bộ Khoa học Công nghệ và Môi trường phê duyệt báo cáo ĐTM của Dự án khai thác, chế biến Antimon tại mỏ quặng Antimon Mậu Duệ - Yên Minh - Hà Giang:

Tổng số tiền phải ký quỹ (cả đời mỏ đến hết 27/12/2026) là 348.837.209 đồng;

Số tiền đã ký quỹ đến 31/12/2025: **1.700.186.826 đồng**. (Phần nộp lớn hơn chi phí Ký quỹ do theo GPMT điều chỉnh chi phí ký quỹ).

Đơn vị nhận ký quỹ: Ngân hàng NN&PTNT tỉnh Hà Giang;

+ Theo Quyết định số 684/QĐ-UBND ngày 10/4/2014 của UBND tỉnh Hà Giang phê duyệt báo cáo ĐTM và Đề án CTPHMT của Dự án mở rộng và nâng cấp bãi thải số 1 mỏ Antimon Mậu Duệ - Yên Minh - Hà Giang:

Tổng số tiền phải ký quỹ (cả đời mỏ đến hết 27/12/2026) là 3.089.425.000 đồng;

Số tiền đã ký quỹ đến 31/12/2025: **3.230.930.516 đồng**. (Phần nộp lớn hơn chi phí ký quỹ là do các yếu tố trượt giá).

Đơn vị nhận ký quỹ: Quỹ bảo vệ môi trường tỉnh Hà Giang (cũ);

Trên đây là Báo cáo công tác Bảo vệ Môi trường năm 2025 của Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang. Rất mong được sự hướng dẫn, giúp đỡ của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tuyên Quang để Công ty có thể thực hiện tốt hơn trách nhiệm của mình trong công tác BVMT.

Xin trân trọng Báo cáo./.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và Môi trường (Báo cáo);
- Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tuyên Quang (Báo cáo);
- Lưu VT, KHKH.

GIÁM ĐỐC



Đỗ Khắc Hùng

